

BN: 230629005

Trang/ Page 1 / 1

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM ANALYTICAL RESULTS



Tên khách hàng / Client name: CÔNG TY TNHH VEGESPRING

Địa chỉ / Address: 58 Phú Thọ, Phường 2, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số mẫu / Sample ID : 230629005-1

Tên mẫu/ Name of Sample : Gạo Tài Nguyên

Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu đựng trong bao nhựa

Nền mẫu / Matrix : Thực phẩm

Ngày nhận mẫu/ Date of sample received : 29 / 06 / 2023

Thời gian phân tích/ Time of analysis : 29 / 06 / 2023 - 03 / 07 / 2023

Ngày trả kết quả / Date of result delivered : 03 / 07 / 2023

Chỉ tiêu phân tích Parameter (s)	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOD	Phương pháp Method
Aldicarb	KPH	mg/kg	0.003	AOAC 2007.01 (LC/MS/MS) (ii)(*)
Aldicarb sulfone	KPH	mg/kg	0.003	AOAC 2007.01 (LC/MS/MS) (ii)(*)
Aldicarb Sulfoxide	KPH	mg/kg	0.003	AOAC 2007.01 (LC/MS/MS) (ii)(*)
Carbaryl	KPH	mg/kg	0.003	AOAC 2007.01 (LC/MS/MS) (ii)(*)
Carbofuran	KPH	mg/kg	0.003	AOAC 2007.01 (LC/MS/MS) (ii)(*)
Carbofuran-3-hydroxy	KPH	mg/kg	0.003	AOAC 2007.01 (LC/MS/MS) (ii)(*)
Fenobucarb	KPH	mg/kg	0.003	AOAC 2007.01 (LC/MS/MS) (ii)(*)
Isoprocarb	KPH	mg/kg	0.003	AOAC 2007.01 (LC/MS/MS) (ii)(*)
Methiocarb	KPH	mg/kg	0.003	AOAC 2007.01 (LC/MS/MS) (ii)(*)
Methomyl	KPH	mg/kg	0.003	AOAC 2007.01 (LC/MS/MS) (ii)(*)
Oxamyl	KPH	mg/kg	0.003	AOAC 2007.01 (LC/MS/MS) (ii)(*)
Pirimicarb	KPH	mg/kg	0.003	AOAC 2007.01 (LC/MS/MS) (ii)(*)
Propoxur	KPH	mg/kg	0.003	AOAC 2007.01 (LC/MS/MS) (ii)(*)
Thiodicarb	KPH	mg/kg	0.003	AOAC 2007.01 (LC/MS/MS) (ii)(*)

Ghi chú / Note:

KPH / N.D: Không phát hiện / Not - Detected; LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of Detection.

(*) Phương pháp được Vilas (ISO/IEC 17025:2017) công nhận / The method is accredited by Bureau of Accreditation (VILAS) (ISO/IEC 17025:2017)

(ii) Phương pháp được Cục Quản Lý Chất Lượng Nông Lâm Sản và Thủy Sản công nhận (NAFIQAD) / The method is accredited by National Agro - Forestry - Fisheries Quality Assurance Department (NAFIQAD)

Phụ trách phòng thí nghiệm
Officer in charge of laboratory



M.S. Trinh Thi Minh Nguyet

Giám đốc
Director




MBA. Nguyen Thi Kieu Hanh

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử như trên/ The result only valid for the sample encoded as above.

- Không được trích sao một phần kết quả phân tích nếu như không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty/ The result shall not be reproduced except in full, without the written approval of the director.

BN: 230629005

Trang/ Page 1 / 1

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM ANALYTICAL RESULTS



Tên khách hàng / Client name: CÔNG TY TNHH VEGESPRING

Địa chỉ / Address: 58 Phú Thọ, Phường 2, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số mẫu / Sample ID : 230629005-2

Tên mẫu/ Name of Sample : Gạo Nàng Hương

Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu đựng trong bao nhựa

Nền mẫu / Matrix : Thực phẩm

Ngày nhận mẫu/ Date of sample received : 29 / 06 / 2023

Thời gian phân tích/ Time of analysis : 29 / 06 / 2023 - 03 / 07 / 2023

Ngày trả kết quả / Date of result delivered : 03 / 07 / 2023

Chỉ tiêu phân tích Parameter (s)	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOD	Phương pháp Method
Aldicarb	KPH	mg/kg	0.003	AOAC 2007.01 (LC/MS/MS) (ii)(*)
Aldicarb sulfone	KPH	mg/kg	0.003	AOAC 2007.01 (LC/MS/MS) (ii)(*)
Aldicarb Sulfoxide	KPH	mg/kg	0.003	AOAC 2007.01 (LC/MS/MS) (ii)(*)
Carbaryl	KPH	mg/kg	0.003	AOAC 2007.01 (LC/MS/MS) (ii)(*)
Carbofuran	KPH	mg/kg	0.003	AOAC 2007.01 (LC/MS/MS) (ii)(*)
Carbofuran-3-hydroxy	KPH	mg/kg	0.003	AOAC 2007.01 (LC/MS/MS) (ii)(*)
Fenobucarb	KPH	mg/kg	0.003	AOAC 2007.01 (LC/MS/MS) (ii)(*)
Isoprocarb	KPH	mg/kg	0.003	AOAC 2007.01 (LC/MS/MS) (ii)(*)
Methiocarb	KPH	mg/kg	0.003	AOAC 2007.01 (LC/MS/MS) (ii)(*)
Methomyl	KPH	mg/kg	0.003	AOAC 2007.01 (LC/MS/MS) (ii)(*)
Oxamyl	KPH	mg/kg	0.003	AOAC 2007.01 (LC/MS/MS) (ii)(*)
Pirimicarb	KPH	mg/kg	0.003	AOAC 2007.01 (LC/MS/MS) (ii)(*)
Propoxur	KPH	mg/kg	0.003	AOAC 2007.01 (LC/MS/MS) (ii)(*)
Thiodicarb	KPH	mg/kg	0.003	AOAC 2007.01 (LC/MS/MS) (ii)(*)

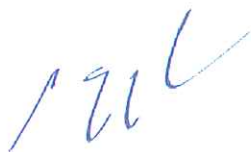
Ghi chú / Note:

KPH / N.D: Không phát hiện / Not - Detected; LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of Detection.

(*) Phương pháp được Vilas (ISO/IEC 17025:2017) công nhận / The method is accredited by Bureau of Accreditation (VILAS) (ISO/IEC 17025:2017)

(ii) Phương pháp được Cục Quản Lý Chất Lượng Nông Lâm Sản và Thủy Sản công nhận (NAFIQAD) / The method is accredited by National Agro - Forestry - Fisheries Quality Assurance Department (NAFIQAD)

Phụ trách phòng thí nghiệm
Officer in charge of laboratory



M.S. Trinh Thi Minh Nguyet

Giám đốc
Director




MBA. Nguyen Thi Kieu Hanh

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử như trên/ The result only valid for the sample encoded as above.

- Không được trích sao một phần kết quả phân tích nếu như không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty/ The result shall not be reproduced except in full, without the written approval of the director.

BN: 230629005

Trang/ Page 1 / 1

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM ANALYTICAL RESULTS



Tên khách hàng / Client name: CÔNG TY TNHH VEGESPRING

Địa chỉ / Address: 58 Phú Thọ, Phường 2, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số mẫu / Sample ID : 230629005-3

Tên mẫu/ Name of Sample : Gạo Thơm Thái

Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu đựng trong bao nhựa

Nền mẫu / Matrix : Thực phẩm

Ngày nhận mẫu/ Date of sample received : 29 / 06 / 2023

Thời gian phân tích/ Time of analysis : 29 / 06 / 2023 - 03 / 07 / 2023

Ngày trả kết quả / Date of result delivered : 03 / 07 / 2023

Chỉ tiêu phân tích Parameter (s)	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOD	Phương pháp Method
Aldicarb	KPH	mg/kg	0.003	AOAC 2007.01 (LC/MS/MS) (ii)(*)
Aldicarb sulfone	KPH	mg/kg	0.003	AOAC 2007.01 (LC/MS/MS) (ii)(*)
Aldicarb Sulfoxide	KPH	mg/kg	0.003	AOAC 2007.01 (LC/MS/MS) (ii)(*)
Carbaryl	KPH	mg/kg	0.003	AOAC 2007.01 (LC/MS/MS) (ii)(*)
Carbofuran	KPH	mg/kg	0.003	AOAC 2007.01 (LC/MS/MS) (ii)(*)
Carbofuran-3-hydroxy	KPH	mg/kg	0.003	AOAC 2007.01 (LC/MS/MS) (ii)(*)
Fenobucarb	KPH	mg/kg	0.003	AOAC 2007.01 (LC/MS/MS) (ii)(*)
Isoprocarb	KPH	mg/kg	0.003	AOAC 2007.01 (LC/MS/MS) (ii)(*)
Methiocarb	KPH	mg/kg	0.003	AOAC 2007.01 (LC/MS/MS) (ii)(*)
Methomyl	KPH	mg/kg	0.003	AOAC 2007.01 (LC/MS/MS) (ii)(*)
Oxamyl	KPH	mg/kg	0.003	AOAC 2007.01 (LC/MS/MS) (ii)(*)
Pirimicarb	KPH	mg/kg	0.003	AOAC 2007.01 (LC/MS/MS) (ii)(*)
Propoxur	KPH	mg/kg	0.003	AOAC 2007.01 (LC/MS/MS) (ii)(*)
Thiodicarb	KPH	mg/kg	0.003	AOAC 2007.01 (LC/MS/MS) (ii)(*)

Ghi chú / Note:

KPH / N.D: Không phát hiện / Not - Detected; LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of Detection.

(*) Phương pháp được Vilas (ISO/IEC 17025:2017) công nhận / The method is accredited by Bureau of Accreditation (VILAS) (ISO/IEC 17025:2017)

(ii) Phương pháp được Cục Quản Lý Chất Lượng Nông Lâm Sản và Thủy Sản công nhận (NAFIQAD) / The method is accredited by National Agro - Forestry - Fisheries Quality Assurance Department (NAFIQAD)

Phụ trách phòng thí nghiệm
Officer in charge of laboratory



M.S. Trinh Thi Minh Nguyet

Giám đốc
Director




MBA. Nguyen Thi Kieu Hanh

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử như trên/ The result only valid for the sample encoded as above.

- Không được trích sao một phần kết quả phân tích nếu như không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty/ The result shall not be reproduced except in full, without the written approval of the director.

BN: 230629005

Trang/ Page 1 / 1

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM ANALYTICAL RESULTS



Tên khách hàng / Client name: CÔNG TY TNHH VEGESPRING

Địa chỉ / Address: 58 Phú Thọ, Phường 2, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số mẫu / Sample ID : 230629005-4

Tên mẫu/ Name of Sample : Gạo Nhật Nguyên

Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu đựng trong bao nhựa

Nền mẫu / Matrix : Thực phẩm

Ngày nhận mẫu/ Date of sample received : 29 / 06 / 2023

Thời gian phân tích/ Time of analysis : 29 / 06 / 2023 - 03 / 07 / 2023

Ngày trả kết quả / Date of result delivered : 03 / 07 / 2023

Chỉ tiêu phân tích Parameter (s)	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOD	Phương pháp Method
Aldicarb	KPH	mg/kg	0.003	AOAC 2007.01 (LC/MS/MS) (ii)(*)
Aldicarb sulfone	KPH	mg/kg	0.003	AOAC 2007.01 (LC/MS/MS) (ii)(*)
Aldicarb Sulfoxide	KPH	mg/kg	0.003	AOAC 2007.01 (LC/MS/MS) (ii)(*)
Carbaryl	KPH	mg/kg	0.003	AOAC 2007.01 (LC/MS/MS) (ii)(*)
Carbofuran	KPH	mg/kg	0.003	AOAC 2007.01 (LC/MS/MS) (ii)(*)
Carbofuran-3-hydroxy	KPH	mg/kg	0.003	AOAC 2007.01 (LC/MS/MS) (ii)(*)
Fenobucarb	KPH	mg/kg	0.003	AOAC 2007.01 (LC/MS/MS) (ii)(*)
Isoprocarb	KPH	mg/kg	0.003	AOAC 2007.01 (LC/MS/MS) (ii)(*)
Methiocarb	KPH	mg/kg	0.003	AOAC 2007.01 (LC/MS/MS) (ii)(*)
Methomyl	KPH	mg/kg	0.003	AOAC 2007.01 (LC/MS/MS) (ii)(*)
Oxamyl	KPH	mg/kg	0.003	AOAC 2007.01 (LC/MS/MS) (ii)(*)
Pirimicarb	KPH	mg/kg	0.003	AOAC 2007.01 (LC/MS/MS) (ii)(*)
Propoxur	KPH	mg/kg	0.003	AOAC 2007.01 (LC/MS/MS) (ii)(*)
Thiodicarb	KPH	mg/kg	0.003	AOAC 2007.01 (LC/MS/MS) (ii)(*)

Ghi chú / Note:

KPH / N.D: Không phát hiện / Not - Detected; LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of Detection.

(*) Phương pháp được Vilas (ISO/IEC 17025:2017) công nhận / The method is accredited by Bureau of Accreditation (VILAS) (ISO/IEC 17025:2017)

(ii) Phương pháp được Cục Quản Lý Chất Lượng Nông Lâm Sản và Thủy Sản công nhận (NAFIQAD) / The method is accredited by National Agro - Forestry - Fisheries Quality Assurance Department (NAFIQAD)

Phụ trách phòng thí nghiệm
Officer in charge of laboratory



M.S. Trinh Thi Minh Nguyet



Giám đốc
Director



MBA. Nguyen Thi Kieu Hanh

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử như trên/ The result only valid for the sample encoded as above.

- Không được trích sao một phần kết quả phân tích nếu như không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty/ The result shall not be reproduced except in full, without the written approval of the director.